

BIỂU SỐ 03/2016

THÔNG KÊ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

- **Dòng 1/3 (Số vụ án/ Số bị cáo còn lại của kỳ trước):** thống kê số vụ án/ số bị cáo Tòa án đã thụ lý xét xử sơ thẩm từ các kỳ thống kê trước, chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này, gồm các trường hợp sau:

+ Những vụ án/ bị cáo còn lại kỳ thống kê trước chưa xét xử chuyển sang kỳ thống kê này;

+ Những vụ án/ bị cáo nhận từ nơi khác chuyển đến để xét xử theo thẩm quyền mà nơi chuyển đã thụ lý ở kỳ thống kê trước;

+ Những vụ án/ bị cáo Tòa án đình chỉ của các kỳ thống kê trước, nay được phục hồi trong kỳ thống kê này để xét xử;

+ Những vụ án/ bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm xét xử huỷ án để xét xử sơ thẩm lại.

- **Dòng 2/4 (Số vụ án/ Số bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ):** thống kê số vụ án/ số bị cáo đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước được Tòa án phục hồi để xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị cáo có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 5/7 (Số vụ án/ Số bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm):** thống kê số vụ án/ số bị cáo VKS đã truy tố và đã chuyển hồ sơ cho Tòa án thụ lý để xét xử theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6/8 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị cáo nhận từ nơi khác chuyển đến để xét xử theo thẩm quyền (nhận khác cấp):** thống kê số vụ án/ số bị cáo nhận từ nơi khác chuyển đến để xét xử theo thẩm quyền trong kỳ thống kê (nhận khác cấp xét xử) trong tổng số vụ án/ số bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 9 (Trong đó: Số bị cáo có người bào chữa):** thống kê số bị cáo Tòa án mới thụ lý xét xử sơ thẩm có người bào chữa.

- **Dòng 10/11 (Số vụ án/ Số bị cáo nơi khác chuyển đến):** thống kê số vụ án/ bị cáo do nơi khác chuyển đến để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12/13 (Số vụ án/ Số bị cáo chuyển đi nơi khác):** thống kê số vụ án/ số bị cáo chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 14/16 (Tổng số vụ án/ Số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm):** thống kê số vụ án/ bị cáo Tòa án thụ lý giải quyết, bao gồm: Số vụ án/ số bị cáo

còn lại của kỳ trước + Số vụ án/ số bị cáo tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị cáo mới thụ lý + Số vụ án/ số bị cáo nơi khác chuyển đến - Số vụ án/ số bị cáo chuyển đi nơi khác (Dòng 14/16 = Dòng 1/3 + Dòng 2/4 + Dòng 5/7 + Dòng 10/11 - Dòng 12/13).

- **Dòng 15/17 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ số bị cáo phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án/ số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 18 (Số vụ án tạm ngừng phiên toà):** thống kê số vụ án mà trong quá trình xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên toà để xác minh, thu thập chứng cứ..., vắng mặt thư ký Tòa án tại phiên toà trong kỳ thống kê (khoản 1 Điều 251 BLTTHS).

- **Dòng 19 (Trong đó: Tạm ngừng phiên toà để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu):** thống kê số vụ án mà trong quá trình xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên toà để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu..., (điểm a khoản 1 Điều 251 BLTTHS).

- **Dòng 20/27 (Số vụ án/ Số bị cáo đã xét xử sơ thẩm):** thống kê số vụ án/ bị cáo Tòa án đã đưa ra xét xử sơ thẩm và đã có bản án trong kỳ thống kê. Nếu quyết định đưa vụ án ra xét xử ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có bản án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 21/22/23/24/25/26 (Trong đó: Số vụ án ủy quyền đã xét xử/ Số vụ án tham nhũng/ Số vụ án xác định trọng điểm/ Số vụ án đã xét xử lưu động/ Số vụ án xét xử rút kinh nghiệm/ Số vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn):** thống kê số vụ đã xét xử (có bản án) trong kỳ thống kê do VKS cấp trên ủy quyền Tòa án cấp dưới, số vụ án tham nhũng, số vụ án xác định trọng điểm, số vụ án xét xử lưu động, số vụ án xét xử rút kinh nghiệm và số vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn.

Lưu ý: Một vụ án có thể được thống kê ở nhiều dòng khác nhau quy định từ Dòng 21 đến Dòng 26.

- **Dòng 28/29/32/33/34 (Trong đó: Số bị cáo là pháp nhân/ Số bị cáo phạm tội tham nhũng/ Số bị cáo xác định trọng điểm/ Số bị cáo ủy quyền xét xử/ Số bị Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội):** thống kê số bị cáo đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê là pháp nhân, phạm tội tham nhũng, xác định trọng điểm, số bị cáo do VKS cấp trên ủy quyền Tòa án cấp dưới đã xét xử (có bản án) và số bị cáo bị Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội (Đối với những bị cáo Tòa án tuyên không phạm một tội nhưng vẫn phạm tội khác thì không thống kê vào Dòng 35).

- **Dòng 30/31 (Trong đó: Số được hưởng án treo/ Số cải tạo không giam giữ):** thống kê số bị cáo đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê đối với tội phạm tham nhũng được Tòa án cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ.

- **Dòng 35 (T.đó: Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng trong kỳ thống kê được Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội trong tổng số bị cáo được Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội quy định tại Dòng 34.

- **Dòng 36/40 (Số vụ án/ Số bị cáo Tòa án đình chỉ):** thống kê số vụ án/ số bị cáo có quyết định đình chỉ vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 37/38/39/41/42/43 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị cáo do bị hại rút đơn, Số vụ án/ Số bị cáo do VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà, Số vụ án/ Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ số bị cáo Tòa án đình chỉ trong kỳ thống kê do bị hại rút đơn, VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà, phạm tội tham nhũng.

- **Dòng 44/49 (Số vụ án/ Số bị cáo Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị cáo có quyết định tạm đình chỉ của Tòa án trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị cáo có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 45/46/47/48/50/51/52/53 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị cáo bỏ trốn; Số vụ án/ Số bị cáo bị bệnh hiểm nghèo; Số vụ án/ Số bị cáo chưa có kết luận giám định, yêu cầu định giá tài sản; Số vụ án/ Số bị cáo chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị):** thống kê số vụ án/ số bị cáo cơ quan Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê theo các lý do gồm: Do bỏ trốn; bị bệnh hiểm nghèo; chưa có kết luận giám định, yêu cầu định giá tài sản; chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị.

- **Dòng 54/55 (Số vụ án/ bị cáo Tòa án tạm đình chỉ đến cuối kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị cáo trường hợp có quyết định tạm đình chỉ của Tòa án phát sinh trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước (không tính các trường hợp đã được phục hồi).

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của Tòa án, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 54/55 kỳ thống kê trước) trừ số vụ án/ bị cáo tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê (Dòng 2/4) cộng với số vụ án/ bị cáo tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê (Dòng 44/49) sẽ bằng Tổng số vụ án/ bị cáo Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 54/55).

- **Dòng 56/58 (Số vụ án/ Số bị cáo còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** thống kê số vụ án/ số bị cáo đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử xong (có bản án) hoặc chưa có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ. Trường hợp đã đưa vụ án ra xét xử nhưng chưa có bản án trong kỳ thống kê thì vẫn thống kê vào dòng này.

- **Dòng 57 (Trong đó: Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giải quyết quá hạn luật định):** thống kê số vụ án chưa giải quyết đã quá hạn luật định tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 59/67 (Số vụ án/ Số bị cáo Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung):** thống kê số vụ án/ số bị cáo Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung trong kỳ thống kê.

- **Dòng 60/61/62/63 (Trong đó: Thiếu chứng cứ/ Có căn cứ... bị cáo còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm/ Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác.../ Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng):** thống kê số vụ án Tòa án quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung như: Thiếu chứng cứ/ Có căn cứ... bị cáo còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm/ Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác.../ Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

- **Dòng 64 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng VKS không chấp nhận):** thống kê số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung không có căn cứ pháp luật nên VKS không chấp nhận, do vậy VKS chuyển trả hồ sơ cho Tòa án để tiếp tục việc xét xử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 65 (Số vụ án ủy quyền xét xử Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung):** thống kê số vụ án VKS cấp trên ủy quyền cho VKS cấp dưới để THQCT và KSXX theo thẩm quyền theo thẩm quyền nhưng bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê.

- **Dòng 66 (Trong đó: Cấp Trung ương ủy quyền xét xử):** thống kê số vụ án VKS nhân dân tối cao ủy quyền cho VKS cấp dưới để THQCT và KSXX theo thẩm quyền nhưng bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- **Dòng 68/70 (Số vụ án/ Số bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị cáo VKS rút quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 69/71 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố của VKS cấp dưới):** thống kê số vụ án/ số bị cáo, bị cáo bị VKS cấp trên rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa của VKS cấp dưới.

- **Dòng 72/73 (Số vụ án/ Số bị cáo VKS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp):** thống kê số vụ án/ số bị cáo bị VKS cùng cấp

kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 74/75 (Số vụ án/ Số bị cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm):** thống kê số vụ án/ số bị cáo bị VKS cấp dưới đề nghị VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới trong kỳ thống kê.

- **Dòng 76 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng bị VKS kháng nghị đối với trường hợp Tòa án cho hưởng án treo):** thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng được Tòa án xét xử cho hưởng án treo bị VKS kháng nghị trong kỳ thống kê.

- **Dòng 77 (Giá trị tài sản thiệt hại do tội phạm tham nhũng gây ra):** thống kê tổng số giá trị tài sản thiệt hại do tội phạm tham nhũng gây ra trong kỳ thống kê.

- **Dòng 78 (Giá trị tài sản thiệt hại đã thu hồi do tội phạm tham nhũng gây ra):** thống kê tổng số giá trị tài sản thiệt hại đã thu hồi do tội phạm tham nhũng gây ra trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Khi thống kê Dòng 77/78 cần nắm vững nguyên tắc sau:

+ Về phạm vi thống kê: Chỉ thống kê ở giai đoạn xét xử sơ thẩm;

+ Về căn cứ thống kê: Căn cứ bản án đã tuyên của Tòa án sơ thẩm;

+ Tất cả các tài sản như: Nhà, đất, ngoại tệ..., đều phải quy ra giá trị tài sản bằng Việt Nam đồng (VND) để thống kê.

- **Dòng 79 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê. Trường hợp 1 bản kiến nghị chung cả 3 cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm) thì chỉ thống kê 1 lần vào dòng này (biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm không thống kê nữa).

- **Dòng 80 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan về áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan về áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý trong kỳ thống kê.